

UNIT 2

MY HOME



GRAMMAR

1. Diễn tả “có” điều gì đó với There is và There are.

	There is	There are
(+)	There is + a/an + Ns	There are + Np
(-)	There isn't + a/an + Ns	There aren't any + Npl
(?)	Is there + a/an + Ns?	Are there any + Npl?

Chú ý: Ns = Danh từ số ít.
Npl = Danh từ số nhiều.

Ví dụ:

- There is a dog in the room.
(Có một chú chó trong phòng.)
- There aren't any notebooks in the school bag.
(Trong cặp không có quyển vở nào.)
- Is there a cat in the house?
(Trong nhà có mèo không?)
- Are there any pupils in the classroom?
(Có học sinh nào trong lớp học không?)

2. Giới từ chỉ địa điểm- Prepositions of place.

1. **at:** ở, tại (at home, at the station, at seaside, at the airport)

2. **In:** trong, ở trong

(In the room/ building/ kitchen/ garden/ restaurant/ office/ park/ pool/ mountains/ sea/ river/ forest/ field/ desert/ village/ town/ country/ city...)

Eg: There are 400 seats in the theater/ cinema

(Có 400 chỗ ngồi trong rạp xiếc/ rạp chiếu bóng)

3. **On:** trên, ở trên

(on the table/ carpet/ wall/ ceiling/ blackboard/ screen/ pavement/ door/ shirt/ map/ page)

4. **Above** (ở trên)

The picture is above the bed. (Bức tranh ở phía trên đầu giường.)

5. **Under** (ở dưới)

The dog is under the table. (Con chó ở dưới cái bàn.)

6. Below (ở dưới)

He lives below my flat. (*Anh ấy sống ở dưới căn hộ của tôi.*)

***Chú ý:**

- **under** dùng khi 1 vật ở dưới trực tiếp 1 vật khác
- **below** dùng khi 1 vật ở dưới vật khác nhưng có thể xa và lệch

7. Between (ở giữa)

I am standing between my brother and sister. (*Mình đang đứng giữa anh trai và chị gái mình.*)

8. Among (ở giữa)

I couldn't find him among a sea of people. (*Tôi không thể tìm thấy anh ấy giữa một biển người.*)

***Chú ý:**

- **between** dùng khi chỉ có 2 đối tượng
- **among** dùng khi có nhiều hơn 2 đối tượng

9. In front of (ở trước)

The tree in front of the house is dying. (*Cây trước nhà đang lụi tàn dần.*)

10. Behind (ở đằng sau)

Do you know the girl behind the door? (*Bạn có biết cô gái đằng sau cánh cửa không?*)

11. Next to (bên cạnh)

The bakery is next to the bookstore. (*Tiệm bánh ở bên cạnh hiệu sách.*)

12. Beside (bên cạnh)

Who is the man standing beside you? (*Người đàn ông đứng cạnh bạn là ai thế?*)

13. Near (gần)

My school is near a park. (*Trường mình gần 1 công viên.*)

14. Opposite (đối diện)

They sat opposite each other. (*Họ ngồi đối diện nhau.*)

Task 1. Complete the sentences with There is/ There are.

1. _____ 25 students in the class.
2. _____ a big wardrobe in my sister's room.
3. _____ a computer and a TV in my room.
4. _____ good programs on television.
5. _____ some furniture in my bedroom.
6. _____ four eggs in the fridge.
7. _____ a lot of water in the bottle.

8. _____ no paper in the printer.

Task 2. Use the words to write positive (+) and negative (-) sentences and questions (?) with *there is* / *there are*.

- | | |
|---|---|
| 1. a bath in the bathroom (?) | <u>Is there a bath in the bathroom?</u> |
| 2. some shops near our new house (+) | _____ |
| 3. a school in the neighbourhood (?) | _____ |
| 4. a television in my bedroom (-) | _____ |
| 5. any cupboards in the dining room (?) | _____ |
| 6. a swimming pool behind the house (+) | _____ |
| 7. any flowers in the garden (-) | _____ |
| 8. a lot of posters on the wall (+) | _____ |

Task 3. Read and complete with *there is*, *there are* + preposition



1. _____ a TV _____ the shelf.
2. _____ two sofas _____ the room.
3. _____ two cushions _____ the bed.
4. _____ a lamp _____ the bedside cabinet
5. _____ nothing _____ the bed.
6. _____ two windows _____ the room.
7. _____ a table _____ the TV.
8. _____ a picture _____ the wall.
9. _____ a door _____ the picture.
10. _____ a clock _____ two windows.

Task 4. Complete the questions with *Is there* or *Are there*. Then write short answers

1. _____ many shops in your town? Yes, _____.
2. _____ a post office near here? No, _____.
3. _____ a table and chairs in the kitchen? Yes, _____.
4. _____ any trees in your garden? No, _____.
5. _____ a book under the table? Yes, _____.
6. _____ any girls in the class? Yes, _____.
7. _____ any coffee in the cup? No, _____.
8. _____ a lot of children in the yard? No, _____.

Task 5. Complete the sentences with the correct prepositions from the box.

near above under in (3) on (3) next to (2) between behind



1. The trees are _____ the house.
2. The dining room is _____ the living room and the kitchen.
3. The kitchen sink is _____ the window.
4. The bath is _____ the bathroom.
5. The flower vase is _____ the chest of drawers.
6. The fridge is _____ the cooker.
7. The mirror is _____ the bathroom sink.
8. The television is _____ the cupboard _____ the sofa.
9. The microwave is _____ the counter _____ the kitchen.
10. The washing machine is _____ the dryer _____ the basement.